

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29 tháng 12 năm 2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Môn;

2. Bà H Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tống Lan Hương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 348/2021/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2021, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2021/QĐXX-ST ngày 13 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Phạm Thu H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Kí ốt 4, chợ Quán Thành, tổ dân phố Nam Giang, phường Xương Giang, thành phố B, tỉnh B.

*** Bị đơn:** Anh Lý A H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ngõ 33, đường Vương Văn Trà, phường Trần Phú, thành phố B, tỉnh B.

(Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là chị Phạm Thu H trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lý A H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND phường Trần Phú vào ngày 18/4/2019. Sau khi kết hôn, chị và anh H chung sống với nhau ngay tại địa chỉ: Kí ốt 4, chợ Quán Thành, tổ

Nam Giang, phường Xương Giang, thành phố B để tiện cho vợ chồng kinh doanh. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ tháng 7 năm 2021 do bất đồng quan điểm về làm kinh tế và cách sống. Chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2021 đến nay.

Nay xác định cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục, không còn tình cảm vợ chồng với anh H, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh H.

Về con chung: Chị xác định chị và anh H có 01 con chung là Lý Ánh Dương, sinh ngày 25/3/2020. Hiện con chung phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ và đang ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại Biên bản ghi lời khai và các tài liệu trong hồ sơ, Bị đơn là anh Lý A H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận anh tự nguyện đăng ký kết hôn với chị Phạm Thu H tại UBND phường Trần Phú vào ngày 18/4/2019. Vợ chồng mâu thuẫn từ tháng 7 năm 2021 và ly thân từ tháng 8 năm 2021 cho đến nay. Tuy nhiên, anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Lý Ánh Dương, sinh ngày 25/3/2020. Hiện con chung phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ và đang ở cùng chị H. Do con chung còn nhỏ, anh đang có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ nên anh không đồng ý yêu cầu của chị H, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết nuôi con chung, đề nghị để vợ chồng cùng có trách nhiệm nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 10/12/2021 tại tổ dân phố Nam Giang, phường Xương Giang, thành phố B, được cung cấp như sau: Chị Phạm Thu H là công dân tổ dân phố Nam Giang, kết hôn với anh Lý A H và chung sống với nhau tại Ki ốt 4, chợ Quán Thành, phường Xương Giang, thành phố B. Quá trình chung sống, anh chị có mâu thuẫn như thế nào thì chính quyền địa phương không nắm rõ. Nay chị H yêu cầu được ly hôn anh H, đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

* Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn - Chị Phạm Thu H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh Lý A H, yêu cầu được nuôi con chung Lý Ánh Dương.

Bị đơn - Anh Lý A H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm đã trình bày trong hồ sơ.

*Hội đồng xét xử công bố toàn bộ tài liệu chứng cứ và các lời khai có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thu H được ly hôn anh Lý A H.

+ Về con chung: Giao chị H nuôi dưỡng con chung là Lý Ánh Dương, sinh ngày 25/3/2020. Cấp dưỡng nuôi con không xem xét, giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

+ Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại ngõ 33 đường Vương Văn Trà, phường Trần Phú, thành phố B, tỉnh B. Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là chị Phạm Thu H, bị đơn là anh Lý A H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và quy định tại Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H kết hôn ngày 18/4/2019 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Tại thời điểm kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trần Phú, thành phố B, tỉnh B và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị H xác định sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong

làm kinh tế, cuộc sống sinh hoạt. Chị và anh H ly thân từ tháng 8 năm 2021 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Toà án đã tiến hành hoà giải cho anh chị, tuy nhiên, kể từ khi chị H nộp đơn khởi kiện cho đến nay, chị H và anh H vẫn xác nhận đã ly thân, chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị được ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lý Ánh Dương, sinh ngày 25/3/2020. Chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Con chung của anh chị hiện dưới 36 tháng tuổi, chị H có nơi ở ổn định, có việc làm và thu nhập đủ điều kiện nuôi con, do vậy cần thiết giao cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của người con nên Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi trong con trường hợp các đương sự có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thu H được ly hôn anh Lý A H.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thu H quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Lý Ánh Dương, sinh ngày 25/3/2020.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con trong trường hợp các đương sự có yêu cầu.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001136 ngày 25/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh B.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. B;
- CCTHADS TP. B;
- TAND tỉnh B;
- UBND phường Trần Phú, TP. B, tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Mạnh Thắng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA